TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẠM TẤU** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HS-ST
Ngày: 16-4-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TẤU, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Hoàng Phương;

2. Ông Sùng A Lù.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hờ A Say - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên tòa: Ông Lò Văn Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; trụ sở đóng tại tổ dân phố số 2, thị trấn Trạm Tấu, huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2020 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 01/2020/TB-TA ngày 31 tháng 3 năm 2020, đối với bị cáo:

Cứ Thị M, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1971 tại xã T, huyện T, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp trồng trọt; trình độ học vấn không biết chữ; dân tộc Mông; giới tính nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Cứ A C (đã chết) và con bà Thào Thị S (đã chết); có chồng là Thào A S (đã chết); có 03 con; tiền án, tiền sự không; bị tạm giữ từ ngày 09-02-2020; "Có mặt".

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị D - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh Yên Bái; "Có mặt".

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người chứng kiến:

Anh Thào A L, sinh năm 1994; nơi cư trú thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái; "Vắng mặt".

Chị Cứ Thị P, sinh năm 1996; nơi cư trú thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái "Vắng mặt".

Anh Thào A Ch, sinh năm 1980; nơi cư trú thôn S, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái; "Vắng mặt".

+ *Người phiên dịch tiếng Mông:* Ông Mùa A L - Cán bộ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái; "Có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 19 giờ 15 phút, ngày 09-02-2020 tại nhà Thào A L (con trai bị cáo M - bị cáo ở cùng nhà với Thào A L) thuộc thôn S, xã X, huyện T ; Công an huyện Trạm Tấu bắt quả tang Cứ Thị M có hành vi chuẩn bị sử dụng ma túy (thuốc phiện); thu giữ tại bàn đèn, nơi M nằm 01 *(một)* lọ nhựa, bên trong có 01 *(một)* gói nilon màu trắng, có chứa chất nhựa dẻo màu nâu đen; 01 *(một)* túi vải màu đen, bên trong có 01 *(một)* gói nilon màu trắng, có chứa chất nhựa dẻo màu nâu đen. Cứ Thị M khai nhận 02 *(hai)* gói chất nhựa dẻo màu nâu đen công an thu giữ của bị cáo là thuốc phiện, bị cáo đã mua của một người đàn ông dân tộc Mông, với giá 700.000 đồng; mục đích bị cáo mua thuốc phiện để sử dụng.

Tại bản kết luận giám định số: 34/GĐMT ngày 17-02-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Yên Bái đã kết luận:

1. Chất nhựa dẻo màu nâu đen thu giữ của Cứ Thị M trong phong bì thứ nhất có khối lượng là 0,6 *(không phẩy sáu)* gam; 0,6 gam chất nhựa dẻo màu nâu đen gửi giám định là ma túy; là thuốc phiện.

2. Chất nhựa dẻo màu nâu đen thu giữ của Cứ Thị M trong phong bì thứ hai có khối lượng là 23,3 *(hai mươi ba phẩy ba)* gam; 17,3 gam trích ra từ 23,3 gam chất nhựa dẻo màu nâu đen gửi giám định là ma túy; là thuốc phiện.

Bản cáo trạng số: 04/CT-VKS-TT ngày 08-3-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, truy tố Cứ Thị M về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma tuý*" theo điểm b khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Cứ Thị M khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ thuốc phiện mà bị cáo đã thực hiện.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Cứ Thị M phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Cứ Thị M từ 01 *(một)* năm 06 *(sáu)* tháng đến 02 *(hai)* năm tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Vật chứng: Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 0,6 *(không phẩy sáu)* gam thuốc phiện được niêm phong trong một phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an Yên Bái phát hành; 02 *(hai)* vỏ phong bì, đã mở niêm phong; 01 *(một)* bộ bàn đèn tự tạo dùng để hút thuốc phiện; 01 *(một)* lọ nhựa màu trắng có nắp đậy màu đen; 01 *(một)* túi vải màu đen có dây thắt ở miệng túi; 01 *(một)* chiếc túi vải màu đen, có dây đeo, có séc khóa, trên mặt túi có thêu hình bông hoa màu đỏ; 02 *(hai)* chiếc cân tiểu ly; 01 *(một)* chiếc giỏ đan bằng mây, có dây đeo.

Trả lại bị cáo Cứ Thị M 01 *(một)* điện thoại di động loại bàn phím, màu xanh, mặt trước có chữ FORME, đã cũ qua sử dụng.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo M phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

- Người bào chữa trình bày lời bào chữa: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng đặc biệt khó khăn, không biết chữ, nhận thức pháp luật còn hạn chế; phạm tội lần đầu; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo; mục đích tàng trữ để sử dụng cho cá nhân bị cáo; bị cáo không có tài sản có giá trị, ở cùng con trai thuộc diện hộ nghèo của xã. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Cứ Thị M phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Cứ Thị M mức thấp nhất của khung hình phạt

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Vật chứng: Trả lại bị cáo Cứ Thị M 01 *(một)* điện thoại di động loại bàn phím, màu xanh, mặt trước có chữ FORME, đã cũ qua sử dụng.

- Bị cáo nhất trí với lời bào chữa; không có ý kiến tranh luận bổ sung gì.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Đã biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trạm Tấu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Người

bào chữa, bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 19 giờ 15 phút, ngày 09-02-2020 tại nhà Thào A L, thuộc thôn S, xã X, huyện T ; Cứ Thị M có hành vi cất giữ bất hợp pháp 23,9 *(hai mươi ba phẩy chín)* gam thuốc phiện, tại bàn đèn nơi bị cáo nằm hút thuốc phiện. Mục đích bị cáo tàng trữ thuốc phiện là để sử dụng.

Bị cáo Cứ Thị M là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ việc cất giữ bất hợp pháp thuốc phiện là vi phạm pháp luật hình sự và biết được tác hại của ma tuý (thuốc phiện) đối với sức khỏe con người và đời sống xã hội, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân. 23,9 gam thuốc phiện mà bị cáo M tàng trữ đã đủ về khối lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý của bị cáo M thực hiện, đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách phòng, chống và kiểm soát ma túy của Nhà nước; tiếp tay cho tệ nạn ma túy gia tăng; ảnh hưởng đến sức khỏe con người; là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác và xâm hại trật tự an toàn xã hội.

[3] Từ những căn cứ trên đã có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Cứ Thị M thực hiện đã phạm vào tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự; lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, nên cần được chấp nhận.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Ngay sau khi bị bắt và tại phiên tòa, bị cáo M đã thành khẩn khai báo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Nhân thân: Bị cáo Cứ Thị M là người nghiện chất ma túy, đã được đi cai nghiện cộng đồng 02 lần, nhưng sau cai bị cáo vẫn tái nghiện, nên xác định bị cáo là người có nhân thân xấu tại địa phương.

[6] Từ những đánh giá về tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích ở trên, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo M ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có thời gian cai nghiện; đồng thời giáo dục riêng bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[7] Hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh về tài sản cũng như tại phiên tòa xác định bị cáo M không có tài sản gì có giá trị, ở cùng con trai, thuộc diện hộ nghèo của xã. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Vật chứng:

Đối với: 0,6 *(không phẩy sáu)* gam thuốc phiện còn lại sau khi lấy mẫu giám định. Đây là vật cấm tàng trữ, lưu hành, nên cần tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với: 01 *(một)* lọ nhựa màu trắng có nắp đậy màu đen; 01 *(một)* túi vải màu đen có dây thắt ở miệng túi. Đây là những vật bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với: 02 *(hai)* vỏ phong bì, đã mở niêm phong; 01 *(một)* bộ bàn đèn tự tạo dùng để hút thuốc phiện; 01 *(một)* chiếc túi vải màu đen, có dây đeo, có séc khóa, trên mặt túi có thêu hình bông hoa màu đỏ; 02 *(hai)* chiếc cân tiểu ly; 01 *(một)* chiếc giỏ đan bằng mây, có dây đeo. Đây là những vật không có giá trị sử dụng, nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với: 01 *(một)* điện thoại di động loại bàn phím, màu xanh, mặt trước có chữ FORME, đã cũ qua sử dụng, thu giữ của bị cáo, không liên quan đến tội phạm, nên trả điện thoại cho bị cáo theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[9] Án phí và các vấn đề khác:

Đối với người đàn ông dân tộc Mông là người bị cáo M khai đã bán thuốc phiện cho bị cáo. Cơ quan điều tra không xác minh được, nên không có căn cứ để xử lý.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Cứ Thị M phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Cứ Thị M 01 *(một)* năm 06 *(sáu)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo, là ngày 09-02-2020.

3. Vật chứng: Áp dụng điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, điểm c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 0,6 *(không phẩy sáu)* gam thuốc phiện được niêm phong trong một phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an Yên Bái phát hành; 02 *(hai)* vỏ phong bì, đã mở niêm phong; 01 *(một)* bộ bàn đèn tự tạo dùng để hút thuốc phiện; 01 *(một)* lọ nhựa màu trắng có nắp đậy màu đen; 01 *(một)* túi vải màu đen có dây thắt ở miệng túi; 01 *(một)* chiếc túi vải màu đen, có dây đeo,

có séc khóa, trên mặt túi có thêu hình bông hoa màu đỏ; 02 *(hai)* chiếc cân tiểu ly; 01 *(một)* chiếc giỏ đan bằng mây, có dây đeo.

Trả lại bị cáo Cứ Thị M 01 *(một)* điện thoại di động loại bàn phím, màu xanh, mặt trước có chữ FORME, đã cũ qua sử dụng.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo M phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo M có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- THADS huyện Trạm Tấu;
- Công an huyện Trạm Tấu;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái;
- Chi cục Hải quan tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- UBND xã Xà Hồ (TB)
- Lưu: Hs, TA, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Xuân